

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 18-01-2019*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng; Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2018/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với:

*** Bị cáo Phạm Ngọc A** , sinh ngày 09/4/1999; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Cg, huyện U, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Kim P; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2018 đến ngày 09/11/2018 chuyển sang tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trần Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, vắng mặt;

+ Anh Bùi Minh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, vắng mặt;

*** Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Ái T, sinh năm 1961; Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 03/11/2018, tại khu vực nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Ái T, ở thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam tổ công tác của Công an huyện D phối hợp với Công an thị trấn Đ, huyện D tiến hành kiểm tra hành chính công tác lưu trú tại phòng trọ do anh Trần Thanh T, sinh năm 1981 ở thôn Đ, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, hiện đang thuê trọ tại nhà trọ của ông Nguyễn Ái T. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng trọ của anh T có 04 người gồm: Trần Thanh T, Phạm Ngọc A, đều trú tại thôn, xã C,

huyện U', thành phố Hà Nội; Bùi Thị L, trú tại thôn Đ, xã N, huyện Ng, tỉnh Nam Định; Bùi Minh T, trú tại thôn K, xã C, huyện U', thành phố Hà Nội.

Quá trình kiểm tra, Phạm Ngọc A đã tự nguyện giao nộp các đồ vật, tài sản, gồm: 01 hộp đựng kính giả da màu nâu có ghi chữ kính mắt Thành Chung bên trong có: 01 cân tiểu ly một mặt màu trắng, một mặt màu đen, kích thước (06 x 03)cm; 01 cân tiểu ly màu nâu trên bề mặt có ghi chữ POWER, CR203*1, MAX200 kích thước (07 x 3,5)cm; 01 túi nilon màu trắng viền màu xanh, kích thước (2,5 x 1,5)cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (Phạm Ngọc A khai là ma túy đá) được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu đen đã cũ, bên trong không có pin và sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu nâu đã cũ, Model: V6218, số IMEI1: 352139066093949, IMEI2: 352139066093956, bên trong có lắp 01 sim điện thoại, trên sim có các dãy số 8984, 0488, 3100, 7239, 866; 01 túi sách giả da màu đen đã cũ, nhãn hiệu BOSSNUT; 01 túi sách giả da màu nâu JEEP BUNUO, bên trong túi sách có 01 bình thủy tinh có chiều cao 13cm, đường kính đáy 10cm, đường kính đầu bình 2,5 cm, trên thân bình có các chấm xanh, đỏ, trắng trên miệng bình có quần băng dính màu đen và được đục thủng 02 lỗ trong đó có 01 lỗ có gắn ống thủy tinh dài 07cm; 04 ống thủy tinh đều có chiều dài là 18,5cm một đầu được uốn cong. Khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Ngọc A ở thôn Đ, xã C, huyện U', thành phố Hà Nội, cơ quan CSĐT Công an huyện D không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Về nguồn gốc số ma túy, Phạm Ngọc A khai nhận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/11/2018, Phạm Ngọc A một mình thuê xe taxi (không xác định được BKS và người điều khiển xe) đi từ nhà ở thôn Đ, xã C, huyện U', thành phố Hà Nội xuống khu vực C, thuộc huyện P, thành phố Hà Nội. Tại đây, A gặp và hỏi mua của một thanh niên không quen biết 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng, nam thanh niên này cầm tiền A đưa, chỉ ra phía chân cột điện gần đó. Thấy có một vỏ bao thuốc lá, biết ma túy được để bên trong nên A đi đến cầm vỏ bao thuốc lá lên, thấy bên trong có 01 gói nilon màu trắng, viền màu xanh, có chứa ma túy đá và 02 chiếc cân tiểu ly. A cầm lấy gói ma túy đá và 02 chiếc cân tiểu ly cất vào người rồi một mình đi đến phòng trọ của Trần Thanh T ở thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D chơi. Khi đến nơi, thì T không có ở phòng trọ. Do có chìa khóa phòng của T nên A mở cửa đi vào phòng nằm chơi. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, Bùi Minh T SN 1999 trú tại thôn K, xã C, huyện U', thành phố Hà Nội một mình đi đến phòng trọ của Trần Thanh T chơi. Thấy T đến, A lấy dụng cụ sử dụng ma túy đá mang theo và gói ma túy đá đã mua được trước đó ra, lấy một ít ma túy đá trong gói ma túy ra cùng T sử dụng. Số ma túy còn lại, A vẫn để trong gói nilon màu trắng, viền màu xanh đã mua rồi cất vào chiếc vỏ hộp

kính mắt và để trong chiếc túi khoác giả da màu nâu của mình. Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 03/11/2018, T cùng bạn gái là Bùi Thị L đi về phòng trọ gặp A và T. Khi về phòng trọ, thấy có bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá mà A và T vừa sử dụng trước đó, trên coong vẫn còn bám dính một ít ma túy đá nên T sử dụng hết số ma túy bám dính trong chiếc coong. Sau đó, giữa T và L xảy ra xô xát, cãi nhau liên quan đến việc T sử dụng ma túy đá nên quần chúng nhân dân đã báo cho lực lượng công an đến kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Phạm Ngọc A đã tự giác giao nộp gói ma túy đá cùng các tang vật khác có liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 172/PC09-MT ngày 06/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu TG01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,346g, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 13/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử phạt Phạm Ngọc A mức án tù 18 đến 24 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Ngọc A chỉ xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Tiên và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 06 giờ 45 phút, ngày 03/11/2018 tại phòng trọ của Trần Thanh T, SN 1987 thuê của gia đình ông Nguyễn Ái T ở thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, Phạm Ngọc A đang có hành vi cất giấu 01 gói ma túy, loại

Methamphetamine, khối lượng 0,346g thì bị lực lượng Công an huyện D phối hợp với Công an thị trấn Đ kiểm tra, phát hiện và thu giữ các vật chứng liên quan.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương và đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ nhận định trên, HĐXX nhận thấy bị cáo là người nghiện ma túy nên cần phải ấn định mức hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Như đã nhận định, bị cáo là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp, thu nhập nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] *Về nguồn gốc ma túy*: Đối với người thanh niên đã bán ma túy cho Phạm Ngọc A do không xác định được là ai, ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an huyện không có cơ sở để xác minh, xử lý.

Đối với anh Trần Thanh T và anh Bùi Minh T là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 02/11/2018 và bị Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[6] *Về vật chứng vụ án*:

+ Đối với: 01 phong bì niêm phong số: 172/PC09- MT là mẫu vật hoàn trả sau giám định ma túy thuộc loại cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng, HĐXX cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với: 02 cân tiểu ly; 01 hộp đựng kính màu nâu; 01 túi sách giả da màu đen đã cũ, bên trong có 01 bình thủy tinh và 04 ống thủy tinh. Qua đấu tranh xác định đây là dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy của bị cáo, hiện không còn giá trị sử dụng nên HĐXX cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu đen đã cũ, bên trong không có pin và sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu nâu đã cũ, Model V6218, số IMEI1: 35213906609349, IMEI2: 35213906609356; bên trong lắp 01 sim điện thoại, trên sim có các dãy số: 8984; 3100; 7239; 666. Qua đấu tranh xác định đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX cần trả lại cho bị cáo.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Ngọc A** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Phạm Ngọc A 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2018.

2. Về vật chứng: áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 172/PC09- MT; 02 cân tiểu ly; 01 hộp đựng kính màu nâu; 01 túi sách giả da màu đen đã cũ, bên trong có 01 bình thủy tinh và 04 ống thủy tinh.

+ Trả lại bị cáo Phạm Ngọc A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu đen đã cũ, bên trong khung có pin và sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu nâu đã cũ, Model V6218, số IMEI1: 35213906609349, IMEI2: 35213906609356; bên trong lắp 01 sim điện thoại, trên sim có các dãy số: 8984; 3100; 7239; 666.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ngày 14/12/2018).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Phạm Ngọc A phải nộp: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải